

Số: 1052/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2022
Nguồn vốn: Ngân sách trung ương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1810/QĐ-BTC ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức vốn và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;



Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 1360/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2022 và số 758/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2022; nguồn vốn: Ngân sách trung ương.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 3231/SNNPTNT-KHTC ngày 20/9/2022 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 3804/STC-NS ngày 20/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp từ nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 cho nhiệm vụ thứ 5 và 6 tại Phụ lục 1 và một số địa phương tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh; chi tiết tại Phụ lục 1 và 2 kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cấp kinh phí tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được điều chỉnh bố trí kinh phí tại Điều 1 Quyết định này chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Căn cứ nguồn kinh phí được UBND tỉnh giao tại Điều 1, chịu trách nhiệm giao dự toán chi tiết cho các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai thực hiện trước ngày **28/9/2022** và gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, đơn vị liên quan.

b) Định kỳ hàng quý và cuối năm báo cáo kết quả thực hiện về các sở, ban ngành có liên quan để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh tham mưu thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới*) chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra quá trình thực hiện của các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị; báo cáo kết quả cho UBND tỉnh để chỉ đạo.

4. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi chịu trách nhiệm kiểm soát, thanh toán kinh phí nêu trên theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung

khác tại Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh không điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công an tỉnh; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, KTN(tnh226).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hoàng Tuấn

Phục lục 1:
TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1052 /QĐ-UBND ngày 23 /9/2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Mục tiêu, nhiệm vụ	ĐVT	Số lượng	Mức phân bổ/xã/ nội dung	Kinh phí đã phân bổ tại Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 18/8/2022	Kinh phí điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7=6-5	8
	TỔNG SỐ					25.755	25.820	65	
A	Phân ra các nhiệm vụ	5. Quảng bá, xúc tiến thương mại nông lâm thủy sản, xây dựng nhãn hiệu, in ấn bao bì, trưng bày sản phẩm OCOP, hỗ trợ thương mại điện tử, xây dựng Website; chứng nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; áp dụng chương trình quản lý chất lượng tiên tiến; hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp; phát triển ngành nghề nông thôn; thúc đẩy sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; thực hiện chương trình phát triển du lịch cộng đồng; hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao đời sống; hỗ trợ mô hình liên kết theo chuỗi (theo Quyết định 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025)	Sản phẩm, điểm du lịch, chuỗi, mô hình, nhãn hiệu, giấy chứng nhận	66	197	4.427	4.809	382	
		- Huyện Nghĩa Hành	Xã	5	300	300	400	100	Điều chỉnh tăng
		- Huyện Tư Nghĩa	Xã	2	300	0	100	100	Điều chỉnh tăng
		- Thị xã Đức Phổ	Xã	3	300	0	100	100	Điều chỉnh tăng
		- Huyện Sơn Hà	Xã	6	300	300	382	82	Điều chỉnh tăng

TT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Mục tiêu, nhiệm vụ	ĐVT	Số lượng	Mức phân bổ/xã/ nội dung	Kinh phí đã phân bổ tại Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 18/8/2022	Kinh phí điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7=6-5	8
		6. Chương trình OCOP (thực hiện theo Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)	Chương trình, sản phẩm	1		3.465	3.148	-317	
		- Huyện Trà Bồng	Sản phẩm			180	150	-30	Điều chỉnh giảm
		- Huyện Sơn Hà	Sản phẩm			300	150	-150	Điều chỉnh giảm
		- Huyện Lý Sơn	Sản phẩm			400	263	-137	Điều chỉnh giảm

Phụ lục 2:
ĐIỀU CHỈNH PHÂN BỐ CHI TIẾT KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1052 /QĐ-UBND ngày 23 /9/2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Mức phân bổ/xã/ nội dung	Kinh phí đã phân bổ tại Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 18/8/2022	Kinh phí điều chỉnh	Chênh lệch
	TỔNG SỐ					25.755	25.820	65
II	Các địa phương					19.635	19.700	65
4	Huyện Nghĩa Hành					570	670	100
	BCĐ nông thôn mới cấp huyện, - BCĐ nông thôn mới cấp xã và UBND các xã	3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao đời sống	Xã	5	300	300	400	100
5	Huyện Tư Nghĩa					920	1.020	100
	BCĐ Nông thôn mới cấp huyện, - BQL nông thôn mới cấp xã và UBND các xã	3. Hỗ trợ sản xuất, nâng cao đời sống	Xã	2	300	0	100	100
9	Thị xã Đức Phổ					1.790	1.890	100
		6. Hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao đời sống	Xã	3	300	0	100	100
		7. Lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã giai đoạn 2021-2025	Xã	7	200	1.000	1.000	0
10	Huyện Trà Bồng					3.255	3.225	-30
	Cơ quan thường trực Chương trình - MTQG xây dựng nông thôn mới huyện và UBND 15 xã	6. Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP	Sản phẩm			180	150	-30

TT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Mức phân bổ/xã/ nội dung	Kinh phí đã phân bổ tại Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 18/8/2022	Kinh phí điều chỉnh	Chênh lệch
12	Huyện Sơn Hà					1.571	1.503	-68
-	BCĐ Nông thôn mới huyện, BQL nông thôn mới xã	3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao đời sống	Xã	6	300	300	382	82
		5. Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP	Sản phẩm			300	150	-150
13	Huyện Lý Sơn	Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP	Sản phẩm			400	263	-137